

Bản án số: 28/2018/HS-ST
Ngày: 09-5-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KINH MÔN, TỈNH HẢI DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Hữu Hiệu

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đỗ Toàn

Bà Phạm Thị Chuông

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thành Hưng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiếu - Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 5 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 16/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 26/2018/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 4 năm 2018 đối với bị cáo:

Phạm Văn T, sinh năm 1990

Nơi ĐKKHKT: Thôn L, xã Đ, huyện T, tỉnh Hải Dương; nơi ở: Thôn B, xã K, huyện T, tỉnh Hải Dương; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa (học vấn): 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Nguyễn Thị P; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 08/11/2017, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo đang chấp hành hình phạt tù tại Trại giam V - Tổng cục VIII - Bộ công an; có mặt.

- Bị hại: Anh Ngô Văn H, sinh năm 1994

Địa chỉ: Thôn T, xã D, huyện K, tỉnh Hải Dương; có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Người làm chứng:

Anh Trần Trung K, sinh năm 1995

Địa chỉ: Tổ 25, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; vắng mặt.

Anh Phạm Văn G, sinh năm 1994

Địa chỉ: Tổ 39, phường Q, thành phố T, tỉnh Thái Nguyên; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ ngày 06/6/2017, Phạm Văn T mang theo chiếc tuốc-lơ - vít đi xe bus từ phường M, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh đến địa bàn huyện K, tỉnh Hải Dương, mục đích để trộm cắp xe mô tô. Khi đi đến khu vực cầu H thuộc thôn H, xã S, huyện K, T xuống xe đi bộ lên cầu. T nhìn xuống phía bờ sông thuộc khu vực cảng Công ty xi măng TC thấy tại rìa sông có dựng một số xe mô tô. T đi đến gần và quan sát thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu sơn xanh - trắng, biển kiểm soát (BKS) 34D1-158.96, số khung 357835, số máy 1357843 của anh Ngô Văn H dựng cách bờ sông khoảng 06m, xe không khóa cổ, không khóa càng. T cũng thấy dưới sông cách bờ khoảng 10m có chiếc tàu đang đỗ, trên tàu có một số người đang ăn tối. T dùng chiếc tuốc - lơ - vít mang theo vặn mở khóa điện của xe mô tô rồi nổ máy, điều khiển xe bỏ đi. Khi đi đến cầu L thuộc huyện B, tỉnh Hải Dương, T dừng xe tháo BKS xe mô tô vừa trộm cắp được, ném chiếc BKS cùng chiếc tuốc - lơ - vít xuống sông rồi điều khiển xe mô tô về nhà cất giấu. Sau đó, T tháo BKS xe 34B1-551.78 từ chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu sơn xanh - trắng của anh Phạm Văn G (là em trai T) lắp vào xe mô tô trộm cắp được của anh H để sử dụng. Ngày 12/6/2017, T điều khiển xe mô tô trộm cắp được của anh H đến huyện N, tỉnh Tuyên Quang chơi. Ngày 16/6/2017, T giao xe mô tô trên cho anh G điều khiển về để ở phòng trọ của T và anh G tại xã A, thị xã Đ, tỉnh Quảng Ninh (anh G nghĩ xe đó là của mình, không biết là xe do T trộm cắp). Ngày 24/6/2017, T bị Công an huyện N, tỉnh Tuyên Quang bắt về hành vi trộm cắp 01 xe mô tô tại địa bàn huyện N. Quá trình điều tra, T tự khai nhận đã trộm cắp chiếc xe mô tô của anh H tại địa bàn huyện K. Ngày 13/7/2017, Công an huyện N, tỉnh Tuyên Quang đã thu giữ chiếc xe mô tô Yamaha Exciter màu sơn xanh - trắng, đeo BKS 34B1-551.78, số khung 357835, số máy 1357843 và bàn giao lại cho Công an huyện K.

Tại bản kết luận định giá số 20/HĐĐG ngày 28/11/2017, Hội đồng định giá tài sản UBND huyện K kết luận: Chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter màu sơn xanh - trắng, số khung 357835, số máy 1357843 bị cáo chiếm đoạt của anh H giá trị 29.055.000 đồng.

Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Ngô Văn H chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt, trả lại anh Phạm Văn G chiếc BKS 34B1-551.78. Chiếc BKS 34D1-158.96 và chiếc tuốc - lơ - vít T đã ném xuống đoạn sông gần cầu L, Cơ quan điều tra không thu giữ được. Anh Ngô Văn H không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại.

Tại Cáo trạng số 17/CT-VKSKM ngày 27/02/2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn truy tố bị cáo Phạm Văn T về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa:

Bị cáo khai nhận hành vi như đã nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt.

Anh Phạm Văn G xác định không biết bị cáo T trộm cắp tài sản và không biết bị cáo T tháo BKS xe mô tô của mình để lắp vào xe trộm cắp của anh G vì hai xe mô tô giống nhau.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo phạm tội “Trộm cắp tài sản”. Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo từ 21 đến 24 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án. Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng. Về xử lý vật chứng và về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, buộc bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Cơ quan điều tra Công an huyện Kinh Môn, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra, truy tố, phù hợp lời khai của bị hại, lời khai người làm chứng, vật chứng đã thu giữ và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 06/6/2017, tại khu vực cảng Công ty xi măng TC thuộc thôn H, xã S, huyện K, tỉnh Hải Dương, Phạm Văn T có hành vi sử dụng tước - lơ - vít mở phá khóa điện, chiếm đoạt của anh Ngô Văn H chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter BKS 34D1-158.96 có giá trị 29.055.000 đồng. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu tài sản của công dân, gây mất trật tự an toàn xã hội trên địa bàn. Bị cáo có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức rõ việc chiếm đoạt tài sản của người khác bị pháp luật cấm nhưng vẫn cố ý thực hiện. Bị cáo chiếm đoạt chiếc xe mô tô của anh H một cách lén lút, lợi dụng hoàn cảnh trời tối, nơi vắng người, chủ sở hữu sơ hở trong quản lý tài sản. Do vậy, hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm

cấp tài sản” quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Từ ngày 01/01/2018, Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có hiệu lực pháp luật, hành vi phạm tội của bị cáo được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 có mức hình phạt tương tự quy định tại khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự năm 1999. Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kinh Môn, tỉnh Hải Dương truy tố đối với bị cáo theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 là có căn cứ.

[3] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự. Trước khi bị phát giác, bị cáo đã tự thú, khai nhận hành vi trộm cắp tài sản của anh H; trong quá trình điều tra, truy tố và xét xử tại phiên tòa, bị cáo thành khẩn khai nhận tội nên được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

[4] Về nhân thân: Bị cáo có nhân thân không tốt. Tại bản án hình sự sơ thẩm số 21/2017/HSST ngày 08/11/2017, Tòa án nhân dân huyện N, tỉnh Tuyên Quang xử phạt bị cáo 01 năm 03 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”, bị cáo đang phải chấp hành hình phạt tù.

[5] Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian để trừng trị, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung. Ngoài hành vi trộm cắp tài sản ở huyện N, tỉnh Tuyên Quang đã bị xét xử và bản án đã có hiệu lực pháp luật, bị cáo còn thực hiện nhiều hành vi trộm cắp ở các địa bàn các tỉnh khác và đang bị điều tra, truy tố, xét xử. Vì vậy, Hội đồng xét xử không tổng hợp hình phạt của nhiều bản án đối với bị cáo trong bản án này.

[6] Về hình phạt bổ sung: Xét tính chất hành vi bị cáo thực hiện và điều kiện kinh tế của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[7] Về vật chứng: Cơ quan điều tra đã trả lại cho anh Ngô Văn H chiếc xe mô tô bị chiếm đoạt, trả lại anh Phạm Văn G chiếc BKS 34B1-551.78. Chiếc BKS 34D1-158.96 và chiếc tuốc - lơ - vít T đã ném xuống sông, Cơ quan điều tra không thu giữ được nên không đặt ra xem xét.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Anh Ngô Văn H không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại nên không đặt ra giải quyết.

[9] Khi anh Phạm Văn G điều khiển xe mô tô bị cáo trộm cắp được từ tỉnh Tuyên Quang về phòng trọ ở thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh, anh G không biết xe do T trộm cắp mà có, cơ quan điều tra không đặt ra hình thức xử lý đối với anh G nên không xét.

[10] Về án phí: Bị cáo bị kết tội nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự, Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 173, điểm r, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phạm Văn T phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Về hình phạt: Xử phạt bị cáo Phạm Văn T 24 (hai mươi bốn) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt đầu thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Không đặt ra giải quyết.

Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra giải quyết.

Về án phí: Buộc bị cáo Phạm Văn T phải chịu 200.000đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: Bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND huyện Kinh Môn;
- VKSND tỉnh Hải Dương (P7);
- Công an huyện Kinh Môn;
- Sở tư pháp tỉnh Hải Dương;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hữu Hiệu